UNIT 9:

TOURISM

GETTING STARTED

I/ NEW WORDS:

- make up one's mind	(v) : quyết định
- narrow… down	(v) : giới hạn
- a cycling tour	(n) : chuyến đi định kì
- a package tour	(n) : chuyến đi trọn gói
- picture	(v) : hình dung, tưởng tượng
- tan	(adj-v):rám nắng, làm rám nắng
- snails	(n) : ốc sên
- anyhow	(adv) : dù thế nào đi nữa
- tease	(v) : trêu, chòng ghẹo
- control	(v) : kiểm soát, điều khiển
- open- minded	(adj) : phóng khoáng, cởi mở
- exotic	(adj) : kì lạ
- reserve	(v) : đặt chỗ
- afford	(v) : có đủ khả năng
- challenge	(n) : sự thử thách
- That's not really my cup of tea	đó ko phải là gu của mình

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS